



Số: 19.2-DLTN2/73/KT4-KH

Ngày: 27/12/2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT- ĐẦU RA BỂ CHỨA TRẠM XỬ LÝ EANA, XÃ EA NÀ, HUYỆN KRÔNG ANA
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 12/12/2024
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (8h45-9h15) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu khoảng 7,5 L được chứa trong 01 chai thủy tinh 500mL, 01 can nhựa 5 L, 01 can nhựa 2 L
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 24424
- Thời gian thử nghiệm : từ 13/12/2024 đến 27/12/2024
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Nguyễn Viết Cường



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/100 mL	SMEWW 9213B (Ed.24) ^(S)	< 1 ^(**)	< 1
2.	<i>Ps. Aeruginosa</i>	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 ^(S)	< 1 ^(**)	< 1
3.	Amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 350.2 ^(S)	KPH (MDL = 0,1)	≤ 0,3
4.	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	1,57	≤ 2
5.	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996	10,1	≤ 250
6.	Độ cứng tổng	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	47,8	≤ 300
7.	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8 ^(S)	KPH (MDL = 0,01)	≤ 0,1
8.	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023 ^(S)	4,25	≤ 200
9.	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 200.8 ^(S)	< 0,02 (MQL)	≤ 0,2
10.	Nitrat (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,56	≤ 2
11.	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,005 (MQL)	≤ 0,05
12.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,1 (MQL)	≤ 0,3
13.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023 ^(S)	KPH (MDL = 0,02)	≤ 0,05
14.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8 ^(S)	KPH (MDL = 0,0002)	≤ 0,001
15.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	41,4	≤ 1000
16.	Xyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996 ^(S)	KPH (MDL = 0,005)	≤ 0,05
17.	Styren	µg/L	US EPA Method 8260D ^(S)	1,6	≤ 20
18.	Xylen	µg/L	US EPA Method 8260D ^(S)		≤ 500
	+ m+p-xylene	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	-
	+ o-xylene	µg/L		KPH (MDL = 0,5)	-
19.	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TCVN 6216:1996 ^(S)	KPH (MDL = 0,3)	≤ 1
20.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	US EPA Method 536 ^(S)		≤ 100
	+ Atrazine	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	-
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	-
	+ Atrazine-desethyl	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	-
	+ Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L		KPH (MDL = 10)	-



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
21.	Trifuralin μg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E ^(S)	KPH (MDL = 0,05)	≤ 20
22.	Chlorpyrifos μg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E ^(S)	KPH (MDL = 1,0)	≤ 30
23.	Monochloramine mg/L	TCVN 6225-2:2021 ^(S)	KPH (MDL = 0,02)	≤ 3,0
24.	Monochloroacetic acid μg/L	US EPA Method 552.3 ^(S)	KPH (MDL = 5,0)	≤ 20

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011, TCVN 5999:1995;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại đầu ra Bể chứa Trạm xử lý Ea Na, xã Ea Na, huyện Krông Ana; toạ độ: 13°02'33,4" N, 107°51'17,6" E;
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 134/Q4-ĐLTN2 ngày 12/12/2024;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- (**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;
- S: phép thử do nhà thầu phụ thực hiện;
- (*): Chương II: Quy định về kỹ thuật - QCDP 1:2024/ĐL - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

